TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2022/DS-ST
Ngày 29-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh N, sinh năm: 1976.
Địa chỉ: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Huy Đ, sinh năm 1967 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm H, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Kim T, sinh năm: 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 12/10/2016, bà Huỳnh Kinh T và ông Trần Thanh N ký kết hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản và được chứng thực

tại Văn phòng Công chứng S, theo đó bà T vay của ông N 60.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, không thể hiện rõ mức lãi suất vay, để đảm bảo cho hợp đồng vay bà T thế chấp cho ông N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 348, tờ bản đồ số 14 có diện tích 180m^2 được cấp cho bà Huỳnh Kim T đứng tên tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đến ngày 21/12/2016, bà T vay thêm 5.000.000 đồng không thể hiện mức lãi vay và thời hạn thanh toán, tổng số tiền vay là 65.000.000 đồng.

Ngày 21/2/2017, bà T trả cho ông N 10.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng.

Ngày 10/4/2017, bà T tiếp tục vay 10.000.000 đồng, không thể hiện mức lãi vay và thời hạn thanh toán, tổng số tiền vay là 65.000.000 đồng.

Ngày 02/5/2018, bà T vay thêm 10.000.000 đồng, không thể hiện mức lãi vay và thời hạn thanh toán, tổng số tiền vay là 75.000.000 đồng.

Ngày 19/11/2018, bà T vay thêm 55.000.000 đồng, tổng số tiền vay đến thời điểm này là 130.000.000 đồng, có thỏa thuận kỳ hạn 03 tháng nhưng không thể hiện mức lãi vay.

Ngày 26/5/2019, bà T vay thêm 36.000.000 đồng, tổng số tiền vay đến thời điểm này được cộng chung lại là 166.000.000 đồng nhưng không thể hiện mức lãi vay và thời hạn thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết tại các lần bà T vay tiền so với chữ ký và chữ viết của bà Huỳnh Kim T thể hiện trong hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản được chứng thực tại Văn phòng Công chứng S.

Kết luận giám định số 250/KL-KTHS ngày 23/8/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cà Mau xác định: Chữ ký "T", "t" và chữ viết họ tên "Huỳnh Kim t" , "Huỳnh Kim t", "Huỳnh kim T" trong các biên nhận với chữ ký "T" và chữ viết họ tên "Huỳnh Kim t" trong hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản ngày 12/10/2016 có chứng thực tại Văn phòng Công chứng S đều do cùng một người ký và viết ra.

Phía ông N yêu cầu bà T trả cho ông N số tiền gốc 166.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/5/2019 đến khi thanh toán xong nợ vì bà T là người trực tiếp giao dịch không liên quan đến ai khác.

Đối với bà Huỳnh Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, đối với bị đơn Huỳnh Kim T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định cụ thể là vắng mặt không rõ lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh N, buộc bị đơn bà Huỳnh Kim T trả cho ông N số tiền gốc 166.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/5/2019 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của ông Trần Thanh N được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Huỳnh Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Theo lời trình bày và tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp thấy rằng sự việc vay nợ giữa ông Trần Thanh N và bà Huỳnh Kim T thực tế có xảy ra. Mặc dù, tại hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản ngày 12/10/2016 có chứng thực tại Văn phòng Công chứng S thể hiện số tiền vay 60.000.000 đồng, kỳ hạn 06 tháng nhưng sau đó phía bà T tiếp tục vay thêm nhiều lần tiền của ông N và lần sau cùng vào ngày 26/5/2019 thể hiện tổng số tiền vay là 166.000.000 đồng nhưng không thể hiện mức lãi vay và thời hạn thanh toán, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định của hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết.

Căn cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp đã được giám định và kết luận do một người cùng ký và viết ra, từ đó có cơ sở xác định tổng số tiền bà T vay của ông N theo các biên nhận là 166.000.000 đồng nên buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông N phần vốn vay và lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Do hai bên không xác định rõ lãi suất cho vay nên áp dụng theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm để giải quyết và được tính từ thời điểm hai bên có thỏa thuận mới từ ngày 26/5/2019 đến khi xét xử sơ thẩm tính tròn 03 năm 04 tháng: 166.000.000 đồng X 10%/năm X 03 năm 04 tháng = 55.333.000 đồng (tính tròn).

Tổng vốn và lãi buộc bà T phải trả cho ông Ngởi là 221.333.000 đồng và tiếp tục chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại giai đoạn thi hành án.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Huỳnh Kim T đứng tên hiện tại ông N đang giữ nên buộc ông N giao trả lại cho bà T.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chi phí giám định 5.870.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch phía bị đơn bà Huỳnh Kim T phải chịu: 221.333.000 đồng X 5% = 11.067.000 đồng (tính tròn) theo quy định tại Điều 161, Điều 162, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chi phí giám định 5.870.000 đồng phía nguyên đơn đã nộp xong nên phía bị đơn bà Huỳnh Kim T phải giao trả lại cho nguyên đơn và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Phần tạm ứng án phí của nguyên đơn đã nộp được nhận lại.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 161, Điều 162, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh N đòi bà Huỳnh Kim T trả nợ vay và lãi suất.

Buộc bà Huỳnh Kim T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh N tổng số tiền vốn vay và lãi suất = 221.333.000 đồng.

Buộc bà Huỳnh Kim T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh N tiền giám định 5.870.000 đồng.

Kể từ khi ông Trần Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Huỳnh Kim T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc ông Trần Thanh N giao trả cho bà Huỳnh Kim T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 29/4/2016 cho bà Huỳnh Kim T đứng tên.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Huỳnh Kim T phải chịu 11.067.000 đồng.

Phần tạm ứng án phí ông Trần Thanh N đã nộp 4.150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004840 ngày 17/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải